BIỂU GIÁ DỊCH VỤ LAI DẮT ĐỐI VỚI
CÁC CHỦ TÀU (ĐẠI LÝ) VẬN TẢI BIỂN QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 939 /QĐ-LDVT ngày 27 /12/2024)

Phần I. Quy định chung

1. Đối tượng áp dụng:

- Tàu thuyền xuất cảnh, nhập cảnh hoặc quá cảnh cập, rời, đi qua hoặc neo đậu tại cảng;

- Tàu thuyền hoạt động vận tải hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, quá cảnh;

- Tàu thuyền vận tải hành khách từ nước ngoài đến Việt Nam hoặc từ nước ngoài đến Việt Nam; tàu thuyền chuyên dùng hoạt động trên tuyến quốc tế;

- Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trung chuyển, được bốc dỡ, giao nhận, bảo quản, neo đậu tại cảng;

- Hành khách, thuyền viên, sỹ quan của tàu từ nước ngoài đến Việt Nam (hoặc ngược lại) bằng đường biển, đường thuỷ nội địa.

2. Đơn vị tiền tệ tính giá dịch vụ lai dắt:

2.1. Đơn vị tiền tệ tính giá dịch vụ lai dắt được quy định bằng Đô-la Mỹ (USD). Việc thanh toán giá dịch vụ này được thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý ngoại tệ của Nhà nước Việt Nam. Trường hợp chuyển đổi thanh toán từ Đô-la Mỹ sang Đồng Việt Nam thì quy đổi theo tỷ giá giao dịch bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

Việc thanh toán giá dịch vụ cảng biển được thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý ngoại tệ của Nhà nước Việt Nam

2.2. Giá dịch vụ quy định tại Biểu giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2.3. Giá dịch vụ đã bao gồm thuế giá trị gia tăng được quy định tại Phụ lục số 02. Mức thuế suất giá trị gia tăng căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

3. Phương tiện thủy: Bao gồm tàu biển, tàu sông và các loại tàu, thuyền, phương tiện khác (không phân biệt có động cơ hoặc không có động cơ) hoạt động trên biển và các vùng nước liên quan đến biển Việt Nam.

4. Tàu lai hỗ trợ: Là tàu được thiết kế, đăng kiểm và đăng ký hoạt động làm dịch vụ lai dắt, hỗ trợ tàu cập, rời Cảng.

5. Vận tải biển quốc tế: Là vận tải hàng hóa, container, hành khách từ Việt Nam đi nước ngoài và từ nước ngoài đến Việt Nam, vận tải quá cảnh, vận tải trung chuyển quốc tế và vận tải vào hoặc ra khu chế xuất

6. Người vận chuyển: Là người dùng tàu thủy thuộc sở hữu của mình hoặc thuê tàu thủy thuộc sở hữu của người khác để thực hiện vận chuyển hàng hoá, hành khách.

7. Người ủy thác: Là tổ chức, cá nhân được Chủ hàng hoặc người vận chuyển ủy quyền để thực hiện vận chuyển, bốc dỡ, giao nhận và bảo quản hàng hoá tại Cảng.

8. Đơn vị công suất máy: Là mã lực (HP) hoặc kilowatt; phần lẻ dưới 1 HP (hoặc KW) tính tròn 1 HP (hoặc KW).

9. Đơn vị tính thời gian: Là ngày và giờ

9.1. Đối với đơn vị thời gian là ngày: Một ngày tính 24 giờ, phần lẻ của ngày từ 12 giờ trở xuống tính ½ ngày, trên 12 giờ trở lên đến 24 giờ tính bằng 1 ngày.

9.2. Đối với đơn vị thời gian là giờ: Một giờ tính 60 phút, phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính ½ giờ, trên 30 phút trở lên đến 60 phút tính 1 giờ.

Phần II. Giá dịch vụ lai dắt tại cảng biển

1. Dịch vụ lai dắt hỗ trợ áp dụng đơn giá khoán theo chiều dài lớn nhất (LOA) của tàu biển yêu cầu hỗ trợ:

Biểu 1:

Đơn vị tính: USD/lượt hỗ trợ cập hoặc rời

STT	Chiều dài lớn nhất (LOA) của tàu biển yêu cầu hỗ trợ	Đơn giá
1	LOA nhỏ hơn 90m	243,00
2	LOA từ 90m đến dưới 110m	560,00
3	LOA từ 110m đến dưới 130m	685,00
4	LOA từ 130m đến dưới 150m	800,00
5	LOA từ 150m đến dưới 170m	1.290,00
6	LOA từ 170m đến dưới 200m	1.800,00
7	LOA từ 200m đến dưới 220m	2.300,00
8	LOA từ 220m đến 240m	2.770,00
9	LOA từ trên 240m đến dưới 275m	4.565,00
10	LOA từ 275m đến dưới 300m	5.087,00
11	LOA từ 300m đến dưới 350m	6.160,00
12	LOA từ 350m trở lên	8.507,00

Công suất tàu lai tối thiểu phục vụ lai dắt hỗ trợ theo quy định Nội quy cảng biển của Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng.

Đơn giá khoán quy định tại Biểu 1 áp dụng vào mọi thời điểm trong ngày kể cả ngày nghỉ, ngày lễ, ngày tết (Trừ các trường hợp đặc biệt).

Giá dịch vụ lai dắt hỗ trợ trong điều kiện thông thường theo quy định của Cảng vụ cho một lượt hỗ trợ tàu cập hoặc rời cầu cảng. Thời gian tàu lai phục vụ lai dắt hỗ trợ cho phép là 01 giờ. Nếu vượt quá thời gian 01 giờ sẽ tính thêm chi phí phát sinh nhưng không vượt quá thời gian tối đa 02 giờ. Trường hợp vượt quá 02 giờ thì chỉ được tính bằng 10% đơn giá quy định tại Biểu 1, trừ trường hợp đặc biệt.

2. Trường hợp Chủ tàu/Đại lý yêu cầu thêm tàu lai lẻ kết hợp hỗ trợ tàu biển thì đơn giá dịch vụ lai dắt hỗ trợ được tính theo quy định tại Biểu 2

Biểu 2:

Đơn vị tính: USD/giờ

STT	Tên tàu lai	Công suất máy (HP)	Đơn giá
1	Tàu HC46, HC47	500	243,00
2	Tàu HC54	800	320,00
3	Tàu HC34	1.096	365,00
4	Tàu HC28	1.210	365,00
5	Tàu HC43, HC44, HC45	1.300	485,00
6	Tàu HC36	1.800	735,00
7	Tàu Dã Tượng	3.200	925,00
8	Tàu Thống Nhất K1	4.600	1.260,00

3. Trường hợp đặc biệt

3.1. Trong điều kiện khí tượng thủy văn ở trạng thái bình thường, tàu biển không bị hạn chế bởi mớn nước hoặc chiều cao mạn đặc biệt; những tàu biển phải sử dụng hai tàu lai trở lên có công suất máy khác nhau thì được miễn giảm một tàu lai có công suất máy nhỏ nhất với điều kiện tàu biển đó có thiết bị đẩy ngang chuyên dụng hỗ trợ điều động với công suất tương đương công suất máy tàu lai nhỏ nhất và hoạt động bình thường theo thiết kế. Trên thực tế Cảng có giảm tàu lai hỗ trợ khi điều động phục vụ tàu cập hoặc rời cầu cảng thì đơn giá dịch vụ lai dắt hỗ trợ được tính bằng 70% đơn giá khoán quy định tại Biểu 1.

3.2. Chủ tàu/Đại lý tàu hoặc thuyền trưởng có văn bản yêu cầu tàu lai hỗ trợ loại có công suất máy lớn hơn so với quy định của Cảng vụ thì ngoài phần đơn giá khoán theo lượt hỗ trợ như quy định tại Biểu 1; Chủ tàu/Đại lý tàu phải thanh toán thêm phần chênh lệch đơn giá giữa đơn giá của tàu lai hỗ trợ có công suất máy lớn hơn và đơn giá của tàu lai hỗ trợ có công suất máy theo quy định của Cảng vụ (theo đơn giá quy định tại Biểu 2).

3.3. Lai dắt hỗ trợ di chuyển tàu biển trong cùng một khu vực cầu cảng do Cảng Hải Phòng quản lý thì đơn giá dịch vụ tính bằng 75% đơn giá quy định tại Biểu 1.

Trường hợp lai dắt hỗ trợ di chuyển tàu biển quay đầu tại cầu cảng, tính bằng 2 lượt lai dắt hỗ trợ gồm: 1 lượt hỗ trợ rời cầu kết hợp quay đầu và 1 lượt hỗ trợ cập cầu; mỗi lượt lai dắt hỗ trợ, đơn giá dịch vụ tính bằng 75% đơn giá quy định tại Biểu 1.

3.4. Lai dắt hỗ trợ cứu hộ, cứu nạn (Bao gồm: Lai kéo tàu bị cạn, tàu bị va chạm, tàu bị hỏa hoạn, tàu bị trôi dạt trên luồng do mất khả năng điều động hoặc do giông bão, nước chảy xiết) thì đơn giá dịch vụ tính tăng 50% (bằng 150%) đơn giá quy định tại Biểu 2. Ngoài những công việc nêu trên giá dịch vụ được thỏa thuận trước khi thực hiện.

3.5. Trường hợp tàu lai đã tới vị trí đón tàu được lai dắt đúng giờ theo yêu cầu của chủ tàu được lai và được cảng vụ hàng hải chấp thuận nhưng tàu yêu cầu được lai dắt chưa tới khiến tàu lai phải chờ đợi thì bên thuê lai dắt phải trả thêm tiền chờ đợi bằng 50% đơn giá theo quy định tại Biểu 1 nhân với số giờ chờ đợi thực tế.

3.6. Trường hợp tàu lai đã tới vị trí đón tàu được lai dắt đúng giờ mà bên thuê lai dắt đã yêu cầu và được cảng vụ hàng hải chấp thuận nhưng tàu yêu cầu được lai dắt không sẵn sàng để điều động, tàu lai phải chở về vị trí xuất phát hoặc chuyển sang hoạt động khác thì bên thuê lai dắt phải trả bằng 50% đơn giá quy định tại Biểu 1 nhân với số giờ điều động thực tế.

3.7. Trường hợp tàu lai phải ứng trực trong quá trình thực hiện lai dắt hỗ trợ, cứu hộ hoặc trực cảnh giới; giá dịch vụ theo đơn giá quy định tại Biểu 2 và theo số giờ thực tế.

3.8. Trường hợp khi đã nhận lệnh rời cầu cảng nhưng do tàu biển hỏng máy, Cảng sẽ chủ động sử dụng tàu lai kéo tàu biển ra khu vực luồng chính thì Chủ tàu/Đại lý tàu phải trả giá dịch vụ kéo tàu biển; giá dịch vụ kéo tàu biển được tính theo đơn giá quy định tại Biểu 2. Từ luồng chính Chủ tàu/Đại lý tàu có thể thuê tiếp phương tiện của Cảng để kéo tàu từ luồng chính đến vị trí do Chủ tàu/Đại lý tàu yêu cầu.

3.9. Lai dắt hỗ trợ tàu biển cập hoặc rời Phao Bến Gót - Lạch Huyện trong điều kiện tàu biển hoạt động bình thường, điều kiện thời tiết bình thường thì đơn giá dịch vụ lai dắt được tính tăng 150% (bằng 250%) đơn giá quy định tương ứng tại Biểu 1 hoặc Biểu 2.

3.10. Lai dắt hỗ trợ tàu biển cập hoặc rời Phao bến nổi Bạch Đằng trong điều kiện tàu biển hoạt động bình thường, điều kiện thời tiết bình thường thì đơn giá dịch vụ lai dắt được tính tăng 50% (bằng 150%) đơn giá quy định tương ứng tại Biểu 1 hoặc Biểu 2.

3.11. Trường hợp thời gian lai dắt hỗ trợ vượt quá 02 giờ do tàu biển bị mắc cạn, chờ cầu, sự cố máy,… thì sẽ tính chi phí phát sinh theo đơn giá quy định tại Biểu 01 nhân với thời gian phát sinh thực tế.

3.12. Các trường hợp phát sinh trong quá trình thực hiện công việc:

- Trường hợp khi Công ty nhận được yêu cầu của Chủ tàu/Đại lý tàu bố trí tàu lai đi cứu hộ, kéo cạn…phương tiện thủy. Công ty đã điều động tàu lai di chuyển đi thực hiện công việc nhưng vì bất kỳ lí do nào đó Chủ tàu/Đại lý tàu thông báo hủy kế hoạch thực hiện thì Chủ tàu/Đại lý phải thanh toán tiền huy động của tàu lai bằng 70% theo đơn giá quy định tại Biểu 2 nhân với thời gian thực tế di chuyển của tàu lai (cơ sở tính thời gian di chuyển của tàu lai được xác nhận của đại diện hai bên).

- Trường hợp lai kéo tàu sự cố, cứu hộ theo yêu cầu của Chủ tàu/Đại lý tàu, mặc dù tàu lai đã thực hiện mẫn cán theo lệnh của Hoa tiêu/Thuyền trưởng nhưng công việc không đạt hiệu quả mà không phải do lỗi của tàu lai thì Chủ tàu/Đại lý tàu vẫn phải thanh toán 100% giá dịch vụ theo quy định tại Biểu 2.

3.13. Trường hợp đặc biệt theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước, phải bố trí tàu lai theo phương án đảm bảo an toàn hàng hải thì giá dịch vụ lai dắt hỗ trợ được tính theo đơn giá quy định tại Biểu 2.

3.14. Trường hợp Nội quy Cảng biển không quy định phải sử dụng tàu lai Azimuth đối với tàu biển có chiều dài từ 240m trở xuống nhưng Chủ tàu/Đại lý tàu yêu cầu tàu lai Azimuth thay thế cho một trong các tàu lai thường thì Chủ tàu/Đại lý tàu phải thanh toán theo giá dịch vụ lai dắt áp dụng cho tàu lai Azimuth. Giá dịch vụ lai dắt áp dụng cho tàu lai Azimuth được thỏa thuận trước khi thực hiện dịch vụ.

Phần III. Các trường hợp khác

1. Hộ tống tàu:

1.1. Giá dịch vụ hộ tống tàu tại các vị trí, khu vực theo yêu cầu sẽ được thỏa thuận trong hợp đồng trước khi cung cấp dịch vụ.

1.2. Trường hợp khẩn cấp hoặc vì một lý do nào đó không thỏa thuận được trước khi cung cấp dịch vụ thì giá dịch vụ hộ tống tàu biển được áp dụng theo đơn giá quy định tại Biểu 2. Thời gian tính giá dịch vụ hộ tống là thời gian thực tế hộ tống tàu biển và thời gian huy động tàu lai đi hoặc về.

1.3 Trong quá trình hộ tống tàu biển, tàu lai phải phục vụ kéo/đẩy tàu thì tính thêm giá dịch vụ phục vụ kéo/đẩy tàu. Thời gian tính giá dịch vụ kéo/đẩy tàu thuyền tính từ khi tàu lai bắt đầu đến khi tàu lai kết thúc việc kéo/đẩy Giá dịch vụ kéo/đẩy tàu thuyền sẽ thỏa thuận thống nhất trong hợp đồng trước khi thực hiện.

2. Các trường hợp chưa được quy định trong Biểu giá dịch vụ sẽ được thỏa thuận, thống nhất trước khi thực hiện công việc.